

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH**

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 43

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 từ trang 06 đến trang 43 kèm theo.

#### KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Green Herbs Investment Joint Stock Company, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 02 năm 2018. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, chia thành 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thực phẩm chức năng.
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Huây	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 03/07/2018
Bà Đặng Bích Hồng	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 03/07/2018
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên	

##### Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Khánh Vinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 03/07/2018
Ông Trần Công Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 03/07/2018

##### Ban Tổng giám đốc

Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Ngọc.

##### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Đức Thành.

#### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không còn sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 kèm theo.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đặng Đức Thành**  
**Tổng Giám đốc**

Bến Tre, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Số: 52 /2019/UHYHCM-BCKTĐL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 02 tháng 05 năm 2019, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1496-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 05 năm 2019*

**Lương Ngô Bảo Trân**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1828-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>57.328.535.421</b>	<b>77.231.354.849</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>4.547.829.184</b>	<b>2.984.660.582</b>
Tiền	111		4.547.829.184	2.984.660.582
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.712.590.343</b>	<b>68.075.799.528</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	8.556.498.954	457.687.054
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.841.285.866	3.044.148.702
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	32.365.602.573	64.599.479.522
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(50.797.050)	(25.515.750)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>6.206.692.718</b>	<b>3.435.373.089</b>
Hàng tồn kho	141		6.206.692.718	3.435.373.089
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.861.423.176</b>	<b>2.735.521.650</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	723.180.127	245.953.950
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.137.243.049	2.487.840.080
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	1.000.000	1.727.620
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>107.781.996.438</b>	<b>47.514.916.480</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>616.250.000</b>	<b>616.250.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9	616.250.000	616.250.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.465.710.495</b>	<b>15.259.931.787</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	17.558.115.771	12.292.340.903
- Nguyên giá	222		19.677.001.455	13.144.501.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.118.885.684)	(852.160.552)
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.907.594.724	2.967.590.884
- Nguyên giá	228		2.999.808.000	2.999.808.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(92.213.276)	(32.217.116)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>41.839.833.336</b>	-
- Nguyên giá	231		42.210.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(370.166.664)	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	-	<b>6.500.000.000</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	6.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>20.488.880.000</b>	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		20.488.880.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.371.322.607</b>	<b>25.138.734.693</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	24.102.846.660	24.798.665.160
Lợi thế thương mại	269		268.475.947	340.069.533
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>165.110.531.859</b>	<b>124.746.271.329</b>

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.876.097.888</b>	<b>985.933.766</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.049.017.888</b>	<b>985.933.766</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	251.913.088	297.631.304
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		103.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	748.836.400	455.806.982
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	259.991.000	216.060.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	61.848.600	16.435.480
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	6.623.428.800	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.827.080.000</b>	<b>-</b>
Phải trả dài hạn khác	337	20	77.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	20.750.080.000	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>136.234.433.971</b>	<b>123.760.337.563</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>136.234.433.971</b>	<b>123.760.337.563</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	109.970.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	109.970.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.116.402.022	1.796.212.042
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.796.212.042	143.501.507
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.320.189.980	1.652.710.535
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	429		12.118.031.950	11.994.125.522
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>165.110.531.859</b>	<b>124.746.271.329</b>

Bến Tre, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>21.170.660.859</b>	<b>11.513.049.797</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.503.400.000	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>19.667.260.859</b>	<b>11.513.049.797</b>
Giá vốn hàng bán	11	25	6.979.368.061	4.026.683.037
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>12.687.892.798</b>	<b>7.486.366.760</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	25.246.245	6.471.078
Chi phí tài chính	22	27	1.311.646.987	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.284.326.471</i>	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	28	2.742.889.962	333.157.144
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	5.707.002.033	4.948.385.157
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.951.600.061</b>	<b>2.211.295.537</b>
Thu nhập khác	31	29	240.000.000	36.160.448
Chi phí khác	32	30	133.484.418	25.289.169
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>106.515.582</b>	<b>10.871.279</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.058.115.643</b>	<b>2.222.166.816</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	614.019.235	336.685.473
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.444.096.408</b>	<b>1.885.481.343</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		2.320.189.980	1.652.710.535
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		123.906.428	232.770.808
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>33</b>	<b>200</b>	<b>476</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>34</b>	<b>200</b>	<b>476</b>

Người lập biểu

Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Bến Tre, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>3.058.115.643</b>	<b>2.222.166.816</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.768.481.542	394.509.313
Các khoản dự phòng	03	25.281.300	25.515.750
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(7.513.124)	(6.471.078)
Chi phí lãi vay	06	1.284.326.471	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>6.128.691.832</b>	<b>2.635.720.801</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	24.931.242.536	(68.405.259.126)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.771.319.629)	(674.656.301)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	18.331.559	(172.848.573)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	218.592.324	(24.473.294.268)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.284.326.471)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(357.685.473)	(59.307.233)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>26.883.526.678</b>	<b>(91.149.644.699)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.242.500.000)	(2.999.808.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	79.478.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.488.880.000)	(4.135.025.473)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.513.124	6.471.078
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(62.723.866.876)</b>	<b>(7.048.884.395)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	10.030.000.000	100.470.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	32.366.549.675	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.993.040.875)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>37.403.508.800</b>	<b>100.470.000.000</b>

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.563.168.602	2.271.470.906
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6	2.984.660.582	713.189.676
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6	4.547.829.184	2.984.660.582

Bến Tre, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Green Herbs Investment Joint Stock Company, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, chia thành 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Công ty có các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Nguyễn Văn Linh)	13C Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	Buôn bán thực phẩm chức năng
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Madagui)	Khu du lịch rừng Madagui, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, Huyện Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng	Buôn bán thực phẩm chức năng
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Bình Châu)	Quốc lộ 55, Xã Bình Châu, Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu	Buôn bán thực phẩm chức năng
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Hà Nội)	41 Vạn Bảo, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội.	Buôn bán thực phẩm chức năng
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh An Giang)	241 Trưng Nữ Vương nối dài, Phường Châu Phú B, Châu Đốc, An Giang	Buôn bán thực phẩm chức năng

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại: kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng, kinh doanh bất động sản.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thực phẩm chức năng.
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty chủ yếu là kinh doanh thực phẩm chức năng, kinh doanh bất động sản. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục trong tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp thực phẩm chức năng. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**1.6 CÁC CÔNG TY ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Công ty con:** là đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các đơn vị này hoạt động theo Luật doanh nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Các Công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ	
			sở hữu	biểu quyết
Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	394/1 Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q. 12, TP HCM	Sản xuất, bán buôn, bán lẻ cây nấm.	60%	60%

**Công ty liên doanh, liên kết:** là đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, Công ty không có quyền hoặc không chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các đơn vị này hoạt động theo Luật doanh nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Không có Công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Năm kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

**4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

**4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác*

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài. Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác. Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư góp vốn khác khi Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vốn vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

**5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc thiết bị	10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10

**5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình là là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao 50 năm theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ HAO MÒN**

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Trong quá trình cho thuê hoạt động phải tiến hành trích khấu hao bất động sản đầu tư và ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ (kể cả trong thời gian ngừng cho thuê). Công ty thực hiện trích khấu hao theo tài sản cố định hữu hình cùng loại.

**5.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

***Chi phí khác***

Chi phí khác thể hiện chi phí quảng cáo, thiết kế, xét nghiệm và công bố chất lượng sản phẩm, phí dịch vụ in ấn, chi phí phần mềm máy tính,...các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí thuê 45 sạp tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, phân bổ theo thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053.

**5.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**5.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH, GIÁ VỐN**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH, GIÁ VỐN (TIẾP)**

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

**5.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5.14 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào và bán ra chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hoặc tỷ giá của Ngân hàng nơi doanh nghiệp giao dịch thường xuyên nhất.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bến Tre, Lâm Đồng và Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Khoản mục không được phân bổ là chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**5.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**5.17 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.17 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 31/12/2018</b>	<b>Tại 01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	102.354.553	175.054.956
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.445.474.631	2.809.605.626
<b>Cộng</b>	<b>4.547.829.184</b>	<b>2.984.660.582</b>

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>Tại 31/12/2018</b>	<b>Tại 01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>8.556.498.954</b>	<b>457.687.054</b>
- Bà Lâm Thị Bích Trâm	2.627.002.298	-
- Ông Đào Quốc Việt	2.776.500.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	1.319.800.000	-
- Công ty TNHH Dược Phẩm Giai Cảnh	675.820.932	336.500.000
- Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma	-	51.031.500
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.157.375.724	70.155.554
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>640.728.024</b>	-
<i>(chi tiết được thuyết minh tại mục 37.5)</i>		

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>Tại 31/12/2018</b>	<b>Tại 01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>2.841.285.866</b>	<b>3.044.148.702</b>
- Bà Nguyễn Thị Minh Tấn	365.840.000	800.000.000
- Cá nhân trồng và bán nấm Linh Chi	1.500.000.000	1.507.047.202
- Công ty XD Ngân Tháp	500.000.000	500.000.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	475.445.866	237.101.500
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>32.365.602.573</b>	-	<b>64.599.479.522</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	33.000.000	-	93.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	21.505.353.448	-	52.876.099.522	-
+ Ông Lê Đình Phong (*)	19.000.000.000	-	20.458.000.000	-
+ Ông Phạm Văn Sơn	-	-	30.000.000.000	-
+ Quý Đầu tư Khởi nghiệp Tỉnh Bến Tre	-	-	1.080.000.000	-
+ Ông Nguyễn Minh Cường	1.080.000.000	-	-	-
+ Ginseng And Herb Co-op	1.285.404.787	-	1.040.328.884	-
+ Phải thu ngắn hạn khác	139.948.661	-	297.770.638	-
- Tam ứng	10.823.780.000	-	11.630.380.000	-
- Bảo hiểm xã hội	3.469.125	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>616.250.000</b>	-	<b>616.250.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	506.250.000	-	506.250.000	-
- Công ty TNHH Năm Sạch	110.000.000	-	110.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>32.981.852.573</b>	-	<b>65.215.729.522</b>	-

(\*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 06/2018/TDX/BBH-HĐQT ngày 28/06/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo dược xanh thông qua chủ trương tiếp tục đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Căn Nhà Mơ Ước Cửu Long nhằm nâng tỷ lệ sở hữu, Hội đồng Quản trị đồng ý tạm ứng vốn cho Ông Lê Đình Phong để thực hiện việc thu mua, thực hiện thủ tục sở hữu cho Công ty. Năm 2019, Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	21.147.888	-
Công cụ, dụng cụ	3.502.488	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.613.737	-	96.534.929	-
Thành phẩm	2.549.591.612	-	892.097.323	-
Hàng hóa	2.966.663.823	-	2.425.592.949	-
Hàng gửi bán	653.321.058	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.206.692.718</b>	<b>-</b>	<b>3.435.373.089</b>	<b>-</b>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND		Máy móc thiết bị VND		Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Tại 01/01/2018	11.482.000.000	400.000.000	400.000.000	1.262.501.455	13.144.501.455		
- Mua trong năm (*)	6.532.500.000	-	-	-	6.532.500.000		
Tại 31/12/2018	<b>18.014.500.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>1.262.501.455</b>	<b>19.677.001.455</b>		
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Tại 01/01/2018	(382.733.332)	(13.333.332)	(13.333.332)	(456.093.888)	(852.160.552)		
- Khấu hao trong năm	(1.100.474.996)	(39.999.996)	(39.999.996)	(126.250.140)	(1.266.725.132)		
Tại 31/12/2018	<b>(1.483.208.328)</b>	<b>(53.333.328)</b>	<b>(53.333.328)</b>	<b>(582.344.028)</b>	<b>(2.118.885.684)</b>		
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại 01/01/2018	11.099.266.668	386.666.668	386.666.668	806.407.567	12.292.340.903		
Tại 31/12/2018	<b>16.531.291.672</b>	<b>346.666.672</b>	<b>346.666.672</b>	<b>680.157.427</b>	<b>17.558.115.771</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

(\*) Tài sản cố định hữu hình là Shop House T1.09 và T1.10 Lô AB Chung cư Aview thuộc Khu dân cư 13C Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty nhận chuyển nhượng từ Bà Lâm Thị Diệu Hương và Ông Đặng Đức Thành.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 0 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 6.423.625.000 đồng.

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2018	2.999.808.000	2.999.808.000
Tại 31/12/2018	<u>2.999.808.000</u>	<u>2.999.808.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Tại 01/01/2018	(32.217.116)	(32.217.116)
- Khấu hao trong năm	(59.996.160)	(59.996.160)
Tại 31/12/2018	<u>(92.213.276)</u>	<u>(92.213.276)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2018	<u>2.967.590.884</u>	<u>2.967.590.884</u>
Tại 31/12/2018	<u>2.907.594.724</u>	<u>2.907.594.724</u>

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng 9.374,4 m2 đất thuê trả tiền một lần tại thửa số 653 tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre trong 50 năm tính từ ngày 19/06/2017 theo hợp đồng thuê đất số 49/HĐTĐ ngày 10/07/2017 giữa Công ty với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 0 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 2.907.594.724 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Tại 01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại 31/12/2018
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	-	<b>42.210.000.000</b>	-	<b>42.210.000.000</b>
- Quyền sử dụng đất	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
- Cơ sở hạ tầng	-	22.210.000.000	-	22.210.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	<b>(370.166.664)</b>	-	<b>(370.166.664)</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	(370.166.664)	-	(370.166.664)
<b>Giá trị còn lại</b>	-	<b>41.839.833.336</b>	-	<b>41.839.833.336</b>
- Quyền sử dụng đất	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
- Cơ sở hạ tầng	-	21.839.833.336	-	21.839.833.336

**b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng thửa đất số 478, tờ bản đồ số 9, diện tích đất là 5.510,1 m<sup>2</sup> tại Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, thời hạn sử dụng đất là lâu dài và tầng 2 (thương mại dịch vụ) Khu chung cư – Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián tại số 72 Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng. Công ty mua những tài sản này với mục đích cho thuê.

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 41.839.833.336 đồng.

**14. TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	-	-
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	-	<b>6.500.000.000</b>
+ Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn hộ 1.10 Lô AB, chung cư Aview	-	3.700.000.000
+ Chi phí mua sắm căn hộ 1.09 Lô AB, chung cư AView	-	2.800.000.000
+ Chi phí đầu tư trại nấm giống Madagui	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>723.180.127</b>	<b>245.953.950</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	193.385.601	38.187.172
- Phí bảo hiểm hỏa hoạn	101.755.302	-
- Chi phí truyền thông, quảng cáo	178.689.872	114.126.250
- Các khoản khác	249.349.352	93.640.528
<b>Dài hạn</b>	<b>24.102.846.660</b>	<b>24.798.665.160</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	126.598.260	298.742.767
- Chi phí truyền thông, quảng cáo	84.174.027	127.777.521
- Chi phí xét nghiệm, phân tích mẫu	2.224.996	11.558.134
- Chi phí thuê 45 sạp chợ (*)	23.580.862.831	24.264.366.103
- Các khoản khác	308.986.546	96.220.635
<b>Cộng</b>	<b>24.826.026.787</b>	<b>25.044.619.110</b>

(\*) Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty CP Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức thuê 45 ô sạp có tổng diện tích 488,30 m<sup>2</sup> tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053.

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.488.880.000	19.994.242.751	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	20.488.880.000	19.994.242.751	-	-
+ Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long (*)	20.488.880.000	19.994.242.751	-	-

(\*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 17,77% tương ứng 1.955.000 cổ phần phổ thông. Giá trị hợp lý được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long chưa được kiểm toán. Ngoài ra, vào ngày 04/04/2019, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 1.556.980 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long, nâng tổng số lượng cổ phần phổ thông sở hữu lên thành 3.511.980 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 31,93%.

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>251.913.088</b>	<b>251.913.088</b>	<b>297.631.304</b>	<b>297.631.304</b>
- Công ty TNHH Ong Mật TRACYBEE	-	-	64.449.680	64.449.680
- Công ty TNHH Ngọc Tháp Cầu	55.000.000	55.000.000	-	-
- Công ty Cổ Phần DAVID HEALTH Việt Nam	-	-	24.666.600	24.666.600
- Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	-	-	27.370.200	27.370.200
- Thời báo Kinh tế Việt Nam	-	-	88.000.000	88.000.000
- Báo Sài Gòn Giải Phóng	72.545.000	72.545.000	30.500.000	30.500.000
- Các khoản phải trả người bán khác	124.368.088	124.368.088	62.644.824	62.644.824
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2018		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Tại 31/12/2018	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	33.812.809	262.441.521	211.377.052	84.877.278				
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	131.517.078	131.517.078	-				
- Thuế xuất, nhập khẩu	22.736.700	136.369.873	159.106.573	-				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	336.685.473	613.291.615	357.685.473	592.291.615				
- Thuế thu nhập cá nhân	62.572.000	262.938.832	253.843.325	71.667.507				
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	2.249.855	2.249.855	-				
- Các loại thuế khác	-	252.068.000	252.068.000	-				
<b>Cộng</b>	<b>455.806.982</b>	<b>1.660.876.774</b>	<b>1.367.847.356</b>	<b>748.836.400</b>				
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>								
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	727.620	727.620	-	-				
- Các loại thuế khác	1.000.000	3.000.000	3.000.000	1.000.000				
<b>Cộng</b>	<b>1.727.620</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>1.000.000</b>				

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Chi phí lương tháng 13	259.991.000	216.060.000		
- Các khoản trích trước khác	226.991.000	183.060.000		
	33.000.000	33.000.000		
<b>Dài hạn</b>				
	-	-		
<b>Cộng</b>	<b>259.991.000</b>	<b>216.060.000</b>	<b>259.991.000</b>	<b>216.060.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>61.848.600</b>	<b>61.848.600</b>	<b>16.435.480</b>	<b>16.435.480</b>
- Bảo hiểm xã hội	-	-	14.797.480	14.797.480
- Bảo hiểm y tế	-	-	1.134.000	1.134.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	504.000	504.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	55.000.000	55.000.000	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.848.600	6.848.600	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>77.000.000</b>	<b>77.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược	77.000.000	77.000.000	-	-
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>138.848.600</b>	<b>138.848.600</b>	<b>16.435.480</b>	<b>16.435.480</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2018		Trong năm		Tại 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>6.623.428.800</b>	<b>6.623.428.800</b>	<b>10.080.789.675</b>	<b>3.457.360.875</b>	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (*)	3.909.188.800	3.909.188.800	7.366.549.675	3.457.360.875	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (**)	2.714.240.000	2.714.240.000	2.714.240.000	-	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>20.750.080.000</b>	<b>20.750.080.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>4.249.920.000</b>	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (**)	20.750.080.000	20.750.080.000	25.000.000.000	4.249.920.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.373.508.800</b>	<b>27.373.508.800</b>	<b>35.080.789.675</b>	<b>7.707.280.875</b>	-	-

(\*) Là hợp đồng cho vay theo hạn mức số 391B18 ngày 30/10/2018:

- Tổng hạn mức cho vay: 12.000.000.000 đồng;
- Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Thời gian cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông từng Giấy nhận nợ;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thanh toán mua được phẩm, vật tư y tế và các chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ khác phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Tài sản thế chấp theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp số 621/NHNT-KH/TC/17 ngày 04/01/2018: Quyền sử dụng đất thừa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre;
- Hợp đồng thế chấp số 376/NHNT-KH/TC/18 ngày 30/10/2018: tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ 45 Hợp đồng thuê dài hạn địa điểm kinh doanh Ô vựa trong nhà lồng Chợ A thuộc Chợ đầu mối Nông sản thực phẩm Thủ Đức, Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo dược xanh và Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức ngày 01/08/2017;
- Hợp đồng thế chấp số 111/NHNT-KH/TC/18 ngày 28/03/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số 1.09 và 1.10 16 AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh;

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Hợp đồng thế chấp số 218/NHNT-KH/TC/18 ngày 18/06/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tầng 2 (thương mại dịch vụ) Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Giác, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Giác, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng;
- Ngoài ra nghĩa vụ của Công ty đối với hợp đồng cấp tín dụng nêu trên còn có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Ngân hàng với Công ty và/hoặc với bên thứ ba trước và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

(\*\*) Bao gồm hai hợp đồng cho vay theo hạn mức sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 070C18 tháng 03/2018:
  - Tổng số tiền cho vay tối đa: 5.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay;
  - Phương thức cho vay: từng lần;
  - Mục đích vay: thanh toán tiền mua căn hộ 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng và cửa hàng công ty;
  - Lãi suất cho vay: lãi suất cố định trong 02 năm kể từ ngày nhận nợ (lãi suất cố định này sẽ được xác định tại thời điểm nhận nợ đầu tiên theo thông báo của HSC), sau thời gian này lãi suất là thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây từng thời kỳ;
  - Tài sản thế chấp theo các hợp đồng sau:
    - Hợp đồng thế chấp số 111/NHNT-KH/TC/18 ngày 28/03/2018
    - Ngoài ra nghĩa vụ của Công ty đối với hợp đồng cấp tín dụng nêu trên còn có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Ngân hàng với Công ty và/hoặc với bên thứ ba trước và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng này.
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 158C18 tháng 06/2018:
  - Tổng số tiền cho vay tối đa: 20.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
  - Phương thức cho vay: từng lần;

Mục đích vay: thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc nhận chuyển nhượng tầng 2 - khu chung cư thương mại cao cấp Bàu Thạc Giác, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Giác, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng theo hợp đồng mua bán chung cư thương mại công chứng số 1579 ngày 11/04/2018 giữa bà Nguyễn Hồng Thủy và Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh;

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Lãi suất cho vay: lãi suất cố định trong 02 năm kể từ ngày nhận nợ (lãi suất cố định này sẽ được xác định tại thời điểm nhận nợ đầu tiên theo thông báo của HSC), sau thời gian này lãi suất là thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây từng thời kỳ;
- Tài sản thế chấp theo các hợp đồng sau:
  - Hợp đồng thế chấp số 621/NHNT-KH/TC/17 ngày 04/01/2018.
  - Hợp đồng thế chấp số 111/NHNT-KH/TC/18 ngày 28/03/2018.
  - Hợp đồng thế chấp số 218/NHNT-KH/TC/18 ngày 18/06/2018.

➢ Ngoài ra nghĩa vụ của Công ty đối với hợp đồng cấp tín dụng nêu trên còn có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Ngân hàng với Công ty và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	VND		VND		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>9.500.000.000</b>	<b>143.501.507</b>	<b>-</b>	<b>9.643.501.507</b>	
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	11.761.354.714	11.761.354.714	
- Lợi nhuận trong năm	-	1.652.710.535	232.770.808	1.885.481.343	
- Góp vốn trong năm	100.470.000.000	-	-	100.470.000.000	
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>109.970.000.000</b>	<b>1.796.212.042</b>	<b>11.994.125.522</b>	<b>123.760.337.563</b>	
<b>Tại 01/01/2018</b>	<b>109.970.000.000</b>	<b>1.796.212.042</b>	<b>11.994.125.522</b>	<b>123.760.337.563</b>	
- Lợi nhuận trong năm	-	2.320.189.980	123.906.428	2.444.096.408	
- Tăng vốn trong năm	10.030.000.000	-	-	10.030.000.000	
<b>Tại 31/12/2018</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>4.116.402.022</b>	<b>12.118.031.950</b>	<b>136.234.433.971</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**22.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
- Ông Đặng Đức Thành	26,6%	31.930.000.000	29,0%	31.930.000.000
- Bà Lâm Thị Diệu Hương	6,3%	7.530.000.000	7,5%	8.200.000.000
- Bà Trần Thị Hải Yến	4,7%	5.610.000.000	1,5%	1.610.000.000
- Ông Cổ Đức Trọng	4,4%	5.300.000.000	4,8%	5.300.000.000
- Bà Phan Thị Nhiều	4,0%	4.800.000.000	4,4%	4.800.000.000
- Bà Đặng Bích Hồng	3,4%	4.100.000.000	3,7%	4.100.000.000
- Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	30,0%	36.000.000.000	32,7%	36.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	4,2%	5.000.000.000	-	-
- Các cổ đông khác	16,4%	19.730.000.000	16,4%	18.030.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>109.970.000.000</b>

Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 09/BBH/ĐHĐCĐ-2017 ngày 31/12/2017 về việc tăng vốn góp của chủ sở hữu từ 9.500.000.000 đồng lên 120.000.000.000 đồng và Nghị quyết số 55/2018/TDX/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị về việc thay đổi đối tượng và kết quả thực hiện tăng vốn điều lệ lên 120.000.000.000 đồng.

**22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	109.970.000.000	9.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	10.030.000.000	100.470.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	109.970.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**22.5 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2018 CP	Tại 01/01/2018 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	10.997.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	10.997.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	10.997.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	10.997.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>21.170.660.859</b>	<b>11.513.049.797</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	16.058.639.126	10.226.504.344
- Doanh thu cho thuê sạp, mặt bằng	5.112.021.733	1.286.545.453
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>4.232.068.520</b>	<b>1.286.545.453</b>
- Công ty CP Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	3.329.485.608	1.286.545.453
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	830.830.004	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	71.752.908	-

**24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.503.400.000	-
Trong đó:		
+ Hàng bán bị trả lại	1.503.400.000	-

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán hàng hóa	5.925.698.125	3.741.890.037
Giá vốn cho thuê sạp, mặt bằng	1.053.669.936	284.793.000
<b>Cộng</b>	<b>6.979.368.061</b>	<b>4.026.683.037</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.513.124	6.471.078
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	17.733.121	-
<b>Cộng</b>	<b>25.246.245</b>	<b>6.471.078</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	1.284.326.471	-
Chi phí khác	27.320.516	-
<b>Cộng</b>	<b>1.311.646.987</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>2.742.889.962</b>	<b>333.157.144</b>
- Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp	149.986.333	-
- Chi phí đồ dùng, vật liệu	205.419.037	134.310.012
- Chi phí khấu hao TSCĐ	16.375.908	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.267.014	189.343.518
- Chi phí bằng tiền khác	2.283.841.670	9.503.614
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>5.707.002.033</b>	<b>4.948.385.157</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	4.109.525.584	3.138.130.000
- Chi phí vật liệu quản lý	-	27.522.273
- Chi phí đồ dùng văn phòng	111.577.565	15.623.676
- Chi phí khấu hao TSCĐ	218.749.232	73.419.954
- Chi phí dự phòng	25.281.300	25.515.750
- Thuế, phí và lệ phí	18.201.111	39.900.976
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.817.591	1.254.492.953
- Chi phí bằng tiền khác	1.034.849.650	373.779.575
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập từ tiền hỗ trợ	40.000.000	36.160.448
Các khoản khác	200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>240.000.000</b>	<b>36.160.448</b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Phạt vi phạm hành chính	900.528	24.103.369
Chi phí ủng hộ Quỹ thanh niên Việt Nam tại Mỹ	63.333.330	-
Chi phí khấu hao quyền sử dụng đất	59.996.160	-
Chi phí khác	9.254.400	1.185.800
<b>Cộng</b>	<b>133.484.418</b>	<b>25.289.169</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.058.115.643</b>	<b>2.222.166.816</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>173.758.879</b>	<b>43.187.565</b>
- Chi phí không được trừ	101.264.765	7.591.680
- Phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	900.528	17.697.489
- Lợi thế thương mại	71.593.586	17.898.396
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>3.231.874.522</b>	<b>2.265.354.381</b>
Chuyển lỗ các năm trước	(161.778.348)	(581.927.020)
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>3.070.096.174</b>	<b>1.683.427.361</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>614.019.235</b>	<b>336.685.473</b>

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.230.308.956	3.772.601.359
Chi phí nhân công	5.076.317.917	3.138.130.000
Khấu hao tài sản cố định	1.696.887.956	376.610.917
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.108.289.490	1.739.417.418
Chi phí bằng tiền khác	3.430.939.502	423.184.165
<b>Cộng</b>	<b>18.542.743.821</b>	<b>9.449.943.859</b>

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.320.189.980	1.652.710.535
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	11.614.504	3.474.079
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>200</b>	<b>476</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**34. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.320.189.980	1.652.710.535
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	11.614.504	3.474.079
Số cổ phiếu dự kiến phát hành thêm trong tương lai (cổ phiếu)	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b><u>200</u></b>	<b><u>476</u></b>

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.16.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.547.829.184	2.984.660.582
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.487.554.477	65.673.416.576
<b>Cộng</b>	<b>46.035.383.661</b>	<b>68.658.077.158</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	27.373.508.800	-
Phải trả người bán và phải trả khác	390.761.688	314.066.784
Chi phí phải trả	259.991.000	216.060.000
<b>Cộng</b>	<b>28.024.261.488</b>	<b>530.126.784</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>18.011.122.173</b>	<b>68.127.950.374</b>

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2018</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	6.623.428.800	20.750.080.000	-	27.373.508.800
Phải trả người bán và phải trả khác	313.761.688	77.000.000	-	390.761.688
Chi phí phải trả	259.991.000	-	-	259.991.000
<b>Cộng</b>	<b>7.197.181.488</b>	<b>20.827.080.000</b>	<b>-</b>	<b>28.024.261.488</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	314.066.784	-	-	314.066.784
Chi phí phải trả	216.060.000	-	-	216.060.000
<b>Cộng</b>	<b>530.126.784</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>530.126.784</b>

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Tại 31/12/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.547.829.184	-	-	4.547.829.184
Phải thu khách hàng và phải thu khác	40.871.304.477	616.250.000	-	41.487.554.477
<b>Cộng</b>	<b>45.419.133.661</b>	<b>616.250.000</b>	<b>-</b>	<b>46.035.383.661</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.984.660.582	-	-	2.984.660.582
Phải thu khách hàng và phải thu khác	65.057.166.576	616.250.000	-	65.673.416.576
<b>Cộng</b>	<b>68.041.827.158</b>	<b>616.250.000</b>	<b>-</b>	<b>68.658.077.158</b>



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH**

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***36. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty:

Năm 2018	Lâm đồng	TP Hồ Chí Minh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bến Tre	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.729.072	15.462.305.645	14.909.636	5.683.716.506	21.170.660.859
Giảm trừ doanh thu	-	(1.503.400.000)	-	-	(1.503.400.000)
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9.729.072</b>	<b>13.958.905.645</b>	<b>14.909.636</b>	<b>5.683.716.506</b>	<b>19.667.260.859</b>
Giá vốn bộ phận	(9.284.061)	(6.009.601.513)	(11.761.875)	(948.720.612)	(6.979.368.061)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>445.011</b>	<b>7.949.304.132</b>	<b>3.147.761</b>	<b>4.734.995.894</b>	<b>12.687.892.798</b>
Các chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp theo bộ phận	-	-	-	-	(8.449.891.995)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.238.000.803</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	25.246.245
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(1.311.646.987)
Thu nhập khác	-	-	-	-	240.000.000
Chi phí khác	-	-	-	-	(133.484.418)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(614.019.235)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.444.096.408</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>165.110.531.859</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>28.876.097.888</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH**

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***36. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty (tiếp):

Năm 2017

	Lâm Đồng	TP Hồ Chí Minh	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bến Tre	Cộng
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9.248.910</b>	<b>10.186.355.070</b>	<b>27.791.274</b>	<b>1.289.654.543</b>	<b>11.513.049.797</b>
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9.248.910</b>	<b>10.186.355.070</b>	<b>27.791.274</b>	<b>1.289.654.543</b>	<b>11.513.049.797</b>
Giá vốn bộ phận	(6.490.960)	(3.714.832.527)	(19.127.864)	(286.231.686)	(4.026.683.037)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>2.757.950</b>	<b>6.471.522.543</b>	<b>8.663.410</b>	<b>1.003.422.857</b>	<b>7.486.366.760</b>
Các chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp theo bộ phận	-	-	-	-	(5.281.542.301)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.204.824.459</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	6.471.078
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-
Thu nhập khác	-	-	-	-	36.160.448
Chi phí khác	-	-	-	-	(25.289.169)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(336.685.473)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.885.481.343</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>124.746.271.329</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>985.933.766</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**37. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**37.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**37.2 CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty CP Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức thuê 45 ô vựa có tổng diện tích 488,30 m<sup>2</sup> tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053.

**37.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**37.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**37.5 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	Cổ đông
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	Cổ đông
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	Công ty nhận đầu tư
- Ông Đặng Đức Thành	Cổ đông, Chủ tịch HĐQT
- Bà Lâm Thị Diệu Hương	Cổ đông, Thành viên HĐQT
- Ông Lê Đình Phong	Cổ đông

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>	<b>4.232.068.520</b>	<b>1.286.545.453</b>
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	3.329.485.608	1.286.545.453
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	830.830.004	-
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	71.752.908	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**37.5 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Mua TSCĐ, hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>7.404.298.727</b>	<b>24.721.229.103</b>
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	316.503.727	24.549.159.103
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	587.795.000	172.070.000
- Ông Đặng Đức Thành	3.700.000.000	-
- Bà Lâm Thị Diệu Hương	2.800.000.000	-
<u>Số dư với các bên liên quan</u>	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>	<b>640.728.024</b>	-
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	272.218.500	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	326.659.524	-
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	41.850.000	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>20.458.000.000</b>
- Ông Lê Đình Phong	19.000.000.000	20.458.000.000
<u>Thu nhập của ban Giám đốc</u>	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Tổng thu nhập Ban Giám đốc	630.000.000	369.120.000

**37.6 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Bến Tre, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành